

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XVIII

Phẩm 20: PHẠM HẠNH 5

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở tại vùng Ta-la song thọ, thấy vua A-xà-thế ngắt xỉu ngã lăn ra đất, liền bảo đại chúng:

–Ta nay sẽ vì vị vua này mà trụ thế đến vô lượng kiếp, chẳng vào Niết-bàn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai phải vì vô lượng chúng sinh mà chẳng vào Niết-bàn chớ vì sao chỉ vì vua A-xà-thế?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Trong đại chúng này không có một người nào cho là Ta nhất định vào Niết-bàn, còn vua A-xà-thế thì nhất định cho là Ta sẽ rốt ráo diệt mãi. Vậy nên ông ấy ngắt xỉu tự lăn ra đất. Này thiện nam! Như lời Ta nói, vì vua A-xà-thế Ta chẳng vào Niết-bàn. Ý nghĩa bí mật như vậy ông chưa có thể hiểu được. Vì sao? Vì Ta nói là vì tất cả phàm phu như A-xà-thế và khắp tất cả người tạo tội ngũ nghịch. Lại nữa tức là vì tất cả chúng sinh hữu vi. Ta nhất định chẳng vì chúng sinh vô vi mà trụ ở đời. Vì sao? Vì phàm là vô vi thì chẳng phải chúng sinh. A-xà-thế tức là người đầy đủ phiền não v.v... Lại nữa, tức là vì chúng sinh chẳng thấy Phật tánh. Nếu chúng sinh thấy Phật tánh thì Ta nhất định chẳng vì họ trụ ở đời lâu dài. Vì sao? Vì người thấy Phật tánh chẳng phải là chúng sinh. A-xà-thế tức là tất cả những người chưa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại nữa, tức là vì hai chúng của A-nan và Ca-diếp. A-xà-thế tức là phi hậu ở hậu cung của vua A-xà-thế và tất cả phụ nữ của thành Vương-xá. Lại nữa, vì là Phật tánh. A-xà là bất sinh. Thế là oán. Do chẳng

sinh Phật tánh nên oán phiền não sinh, mà oán phiền não sinh nên chẳng thấy Phật tánh. Do chẳng sinh phiền não nên thấy Phật tánh, mà thấy Phật tánh thì được an trụ ở Đại Bát Niết Bàn. Đó gọi là bất sinh. Vậy nên gọi là A-xà-thế. Nay thiện nam! A-xà thì gọi là bất sinh, mà bất sinh thì gọi là Niết-bàn. Thế gọi là thế pháp. Vì là bất nhiễm ô. Do việc chẳng nhiễm ô tám pháp thế gian nên vô lượng vô biên vô số kiếp chẳng vào Niết-bàn. Vậy nên Ta nói, vì A-xà-thế nên vô lượng ức kiếp chẳng vào Niết-bàn. Nay thiện nam! Mặt ngữ của Như Lai chẳng thể nghĩ bàn. Pháp Phật, chúng Tăng cũng chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ-tát cũng chẳng thể nghĩ bàn. Kinh điển Đại Niết-bàn cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn, đấng Đạo sư Đại Bi, vì vua A-xà-thế vào Tam-muội Nguyệt ái, vào Tam-muội rồi, phóng ra ánh sáng lớn. Ánh sáng thanh lương ấy đến chiếu vào thân vua thì ghẻ trên thân liền khỏi hết mùi hôi thối. Nhà vua biết ghẻ đã khỏi, thân thể thanh lương, nói với ông Kỳ-bà:

–Ta từng nghe người nói, khi kiếp sắp hết thì ba mặt trăng đồng thời hiện lên. Lúc đó thì hoạn khổ của tất cả chúng sinh đều trừ hết. Thời đó chưa đến mà ánh sáng này từ đâu đến soi vào một mình thân ta, sự khổ của ghẻ lở trừ khỏi, thân được an vui.

Ông Kỳ-đà đáp:

–Đây chẳng phải là kiếp hết, ba mặt trăng soi cùng một lúc, cũng chẳng phải là ánh sáng của lửa, mặt trời, tinh tú, thảo dược, ngọc báu.

Nhà vua lại hỏi:

–Ánh sáng này nếu chẳng phải là ánh sáng của ba mặt trăng cùng soi, của ngọc báu thì đó là ánh sáng của ai?

–Tâu đại vương! Đại vương nên biết, đó là ánh sáng của đấng Thiên Trung Thiên phóng ra. Ánh sáng này vô hạn, không có bờ cõi, chẳng phải nóng, chẳng phải lạnh, chẳng phải thường, chẳng phải diệt, chẳng phải sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải xanh, chẳng phải vàng, chẳng phải đỏ, chẳng phải trắng. Vì muốn độ chúng sinh nên khiến cho họ có thể

thấy có tướng, có thể nói có hạn, có biên, có nóng, có lạnh, có xanh, vàng, đỏ, trắng. Tâu đại vương! Ánh sáng này tuy vậy, thật ra chẳng thể nói, chẳng thể nhìn thấy, thậm chí không có xanh, vàng, đỏ, trắng.

Nhà vua nói:

–Này Kỳ-bà! Đấng Thiên Trung Thiên đó vì nhân duyên gì mà phóng ra ánh sáng ấy?

Ông Kỳ-bà đáp:

–Tướng điềm này hôm nay là vì đại vương. Do đại vương trước nói, đời không có lương y trị liệu thân tâm, nên Đức Phật phóng ra ánh sáng này để trị thân vua trước, sau đó trị đến tâm.

Nhà vua nói:

–Này Kỳ-bà! Đức Như Lai Thế Tôn cũng thấy được ý niệm sao?

Ông Kỳ-bà đáp:

–Ví như một người mà có bảy đứa con. Một đứa trong bảy đứa con đó gặp bệnh. Lòng cha mẹ chẳng phải không bình đẳng, nhưng đối với đứa con bệnh thì lòng thiên về nhiều hơn. Tâu đại vương! Đức Như Lai cũng vậy, đối với các chúng sinh chẳng phải không bình đẳng, nhưng đối với người có tội thì lòng thiên về nhiều hơn, với người phóng dật thì từ niệm, với người chẳng phóng dật thì lòng buông bỏ. Những ai gọi là người chẳng phóng dật? Đó là Lục trụ Bồ-tát. Tâu đại vương! Chư Phật Thế Tôn đối với chúng sinh chẳng quan sát chủng tánh, già trẻ, trung niên, giàu, nghèo, thời tiết, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, nghề khéo, hạ tiện, đồng bộc, nô tỳ mà chỉ quan sát chúng sinh nào có tâm thiện. Nếu họ có tâm thiện thì Đức Như Lai liền từ niệm. Đại vương phải biết, tướng điềm như vậy tức là Đức Như Lai vào Tam-muội Nguyệt ái mà phóng ra ánh sáng.

Nhà vua liền hỏi:

–Sao gọi là Tam-muội Nguyệt ái?

Ông Kỳ-bà đáp:

–Ví như ánh sáng của vầng trăng có thể khiến cho tất cả hoa Ưu-bát-la nở tươi thắm. Tam-muội Nguyệt ái cũng như vậy, có thể

khiến cho tâm thiện của chúng sinh khai mở. Vậy nên gọi là Tam-muội Nguyệt ái. Tâu đại vương! Ví như ánh sáng của vầng trăng có thể khiến cho tất cả người đi đường lòng sinh vui mừng. Tam-muội Nguyệt ái cũng như vậy, có thể khiến cho người tu tập đạo Niết-bàn, lòng sinh hoan hỷ. Vậy nên gọi là Tam-muội Nguyệt ái. Tâu đại vương! Ví như ánh sáng của vầng trăng, từ ngày mồng một đến ngày mười lăm thì hình sắc, ánh sáng dần dần tăng trưởng. Tam-muội Nguyệt ái cũng như vậy, khiến cho người mới phát tâm, các thiện căn bản dần dần tăng trưởng... cho đến đầy đủ Đại Bát Niết Bàn. Vậy nên gọi là Tam-muội Nguyệt ái. Tâu đại vương! Ví như ánh sáng của vầng trăng, từ ngày mười sáu đến ngày ba mươi thì hình sắc ánh sáng dần dần giảm xuống. Tam-muội Nguyệt ái cũng như vậy, nơi nào ánh sáng này soi đến có thể khiến cho dần dần giảm hết phiền não. Vậy nên gọi là Tam-muội Nguyệt ái. Tâu đại vương! Ví như khi nóng lắm thì tất cả chúng sinh thường nghĩ đến ánh sáng mặt trăng, mà ánh sáng mặt trăng đã soi thì uất nhiệt liền diệt trừ. Tam-muội Nguyệt ái cũng như vậy, có thể khiến cho chúng sinh trừ diệt phiền não của tham. Tâu đại vương! Ví như vầng trăng tròn đầy là vua trong mọi tinh tú, là vị cam lồ được sự yêu thích của tất cả chúng sinh. Tam-muội Nguyệt ái cũng như vậy, là vua trong các điều thiện, là vị cam lồ được sự yêu thích của tất cả chúng sinh. Vậy nên gọi là Tam-muội Nguyệt ái.

Nhà vua nói:

–Này Kỳ-bà! Ta nghe Đức Như Lai chẳng cùng với người ác đồng dừng, đồng ngồi, đồng đứng dậy, đồng nói năng đàm luận giống như biển cả chẳng chứa thây chết, như chim uyên ương chẳng trụ ở nhà xí, như Thích-đề-hoàn-nhân chẳng cùng ở với quỷ, như chim cưu sí la chẳng đậu cây khô v.v... Đức Như Lai cũng vậy thì ta làm sao đến gặp được? Giả sử gặp được thì thân ta sẽ chẳng bị hãm vào địa ngục sao? Ta nghĩ là Đức Như Lai tà gần voi say, sư tử, cọp, sói, lửa mạnh bùng cháy chứ nhất định chẳng gần gũi với người nghiệp ác nặng nề. Ta nay suy nghĩ thế rồi thì lòng nào mà đến gặp Đức Như Lai.

Ông Kỳ-bà đáp:

www.daitangkinh.org

–Tâu đại vương! Ví như người khát nước thì phải mau chóng đi đến dòng suối trong, người đói thì cầu xin thức ăn, người sợ thì cầu người cứu, người bệnh thì cầu lương y, nóng thì cầu bóng mát, lạnh thì cầu lửa v.v... Nhà vua nay cầu Đức Phật cũng nên như vậy. Tâu đại vương! Đức Như Lai còn vì Nhất-xiển-đề mà diễn nói pháp chính yếu, huống gì là đại vương, chẳng phải là Nhất-xiển-đề mà chẳng nhờ ơn từ bi cứu tế sao?

Nhà vua nói:

–Này Ông Kỳ-bà! Ta trước đã từng nghe, Nhất-xiển-đề chẳng tin, chẳng nghe, chẳng thể quan sát, chẳng được nghĩa lý thì vì sao Đức Như Lai vì họ nói pháp?

Ông Kỳ-bà đáp:

–Tâu đại vương! Ví như có người, thân mang bệnh nặng. Người này đêm nằm mơ thấy bay lên trên điện một cột, uống váng sữa, dầu, mỡ và dùng xoa vào thân, nằm trên tro, ăn tro, leo lên cây khô, hoặc cùng với loài vượn du hành, ngồi, nằm, chìm xuống nước, ngập trong bùn, rơi xuống từ lầu điện, núi cao, cây cối, voi ngựa, trâu dê v.v... thân mặc áo màu xanh, vàng, đỏ, đen mà vui cười, ca múa. Hoặc mơ thấy cùng bọn với quạ, chim thú, hồ ly v.v... Mơ thấy răng, tóc rơi rụng, thân hình trần truồng, gói đầu vào chó, nằm trong phân dơ. Lại mơ cùng với người đã chết đi, đứng, nằm, ngồi, nắm tay nhau, ăn uống v.v... Mơ thấy rắn độc đầy đường và đi trên đó. Hoặc mơ cùng với người nữ bới tóc ôm nhau, lấy lá cây Đa-la làm quần áo, cỡi xe lửa hư nát, nhắm hướng Nam mà đi. Người đó mơ rồi, lòng sinh sầu não. Do sầu não nên thân bệnh càng tăng. Do bệnh tăng nên những người thân thuộc sai người đi mời thầy thuốc. Hình thể người được sai đi mời thầy thuốc khiếm khuyết, lùn, các căn chẳng đầy đủ, đầu lấm lem bụi đất, mặc áo rách rưới, xe chở cũ nát. Người đó nói với thầy thuốc: “Hãy mau mau lên xe”. Bấy giờ, vị lương y liền nghĩ: “Nay thấy người đi mời thầy, tướng mạo chẳng tốt thì phải biết người bệnh khó có thể trị liệu”. Nhưng lại nghĩ: “Người đi mời thầy tuy chẳng tốt, nhưng lại phải xem ngày, có thể trị được không? Nếu là ngày bốn, ngày sáu, ngày tám, ngày mười hai, ngày mười

bốn v.v... những ngày như vậy thì bệnh cũng khó trị”. Ông lại nghĩ: “Ngày tuy chẳng tốt nhưng còn phải xem sao coi có thể trị được không? Nếu là sao Hỏa, sao Kim, sao Mão, sao Diêm la vương, sao Thấp, sao Mãn v.v... những sao như vậy thì bệnh cũng khó trị”. Ông lại nghĩ: “Sao tuy chẳng tốt nhưng lại phải xem thời tiết. Nếu là thời tiết mùa thu, thời tiết mùa đông và thời tiết khi mặt trời lặn, thời tiết nửa đêm, thời tiết khi mặt trăng lặn thì phải biết là bệnh cũng khó có thể trị”. Ông lại nghĩ: “Như vậy mọi tướng tuy chẳng tốt nhưng hoặc định hay chẳng định thì phải quan sát người bệnh. Người bệnh, nếu có phước đức thì có thể trị liệu, nếu không có phước đức thì tuy tốt nhưng nào ích gì?”. Suy nghĩ thế rồi, ông liền cùng đi với người mời thầy. Trên đường đi, ông lại nghĩ: “Nếu người bệnh kia có tướng trường thọ thì có thể trị liệu được, còn nếu tướng đoản mệnh thì chẳng thể trị liệu”. Ông liền thấy trên đường phía trước có hai đứa trẻ đang ra sức đánh nhau. Chúng nắm đầu, bứt tóc, dùng ngói đá, dao, gậy v.v... ném, đánh lẫn nhau. Hoặc thấy người giữ lửa tự nhiên tắt hết. Hoặc thấy người chặt cây cối. Hoặc lại thấy người tay kéo tấm da thuộc, theo đường mà đi. Hoặc thấy trên đường đi có vật đánh rơi. Hoặc thấy có người cầm giỏ đồ đựng rỗng. Hoặc thấy Sa môn đi một mình không bạn bè. Hoặc lại thấy cọp, sói, quạ, chim thú, chồn hoang v.v... Ông thấy những việc đó rồi lại nghĩ: “Việc người được sai đi mời thầy cho đến việc thấy các tướng trên đường đi đều là chẳng tốt thì phải biết người bệnh chắc khó trị liệu lắm”. Ông lại nghĩ: “Nếu ta chẳng đến thì chẳng phải là lương y. Còn như đến nơi ấy thì cũng chẳng thể cứu chữa”. Ông lại nghĩ: “Mọi tướng như vậy tuy lại chẳng lành, nhưng hãy bỏ hết để đi đến chỗ người bệnh”. Suy nghĩ thế rồi, ở phía trước trên đường đi ông lại nghe tiếng như vậy: “Mất, chết, táng, băng, phá hoại, chặt, lột, cởi, rơi rụng, thiêu đốt v.v... chẳng đến, chẳng thể trị liệu, chẳng thể cứu vớt”. Ông lại nghe ở phương Nam có tiếng chim, thú, như là tiếng chim quạ, chim thú, chim xá lợi, hoặc tiếng chó, tiếng chuột, tiếng chồn hoang, heo, thỏ v.v... Nghe những tiếng đó rồi ông lại nghĩ: “Phải biết, người bệnh này khó có thể trị liệu”. Bây giờ, ông đã vào đến nhà người bệnh, thấy người bệnh đó lúc nóng lúc lạnh, đốt xương đau đớn, mắt

đỏ chấy lệt, tai không nghe tiếng, yết hầu thắt lại đau đớn, trên lưỡi rách nát, hình sắc đen sạm, đầu không cử động được, thân thể khô đét, không có mồ hôi, đại tiểu tiện bế tắc chẳng thông. Thân bỗng phì to hồng đỏ khác thường, tiếng nói chẳng đều, hoặc to hoặc nhỏ, toàn thân loang lổ, xanh, vàng khác màu. Bụng người ấy trướng đầy, lời nói chẳng rõ. Thầy thuốc thấy thế rồi, hỏi người chăm sóc bệnh: “Người bệnh từ hôm qua đến nay ý chí ra sao?”. Đáp: “Thưa đại sư! Người ấy từ trước kính tín Tam bảo và chư Thiên, còn nay thì đổi khác, dứt lòng kính tín; xưa ưa bố thí nay thì keo kiệt, xưa ít ăn nay thì ăn quá nhiều, xưa tánh tình hòa thiện nay thì tệ ác, xưa tánh từ hiếu, cung kính cha mẹ nay đối với cha mẹ lòng không cung kính”. Thầy thuốc nghe rồi liền ngửi người bệnh, nghe được mùi hương Ưu-bát-la, hương trầm thủy tạp, hương tất-ca-đa, hương đa-dà-la, hương đa-ma-la-bạt, hương uất kim, hương chiêm-đàn, mùi thịt nướng, mùi rượu bồ đào, mùi gân cốt cháy, mùi cá, mùi phân. Biết được mùi rồi, thầy thuốc liền chạm vào thân, biết thân mềm mại giống như tơ lụa, hoa kiếp bối ta, hoặc cứng như đá, hoặc lạnh như băng, hoặc nóng như lửa, hoặc nhám như cát. Bấy giờ, vị lương y thấy đủ thứ tướng như vậy rồi, định biết người bệnh ắt chết, chẳng còn nghi ngờ gì. Nhưng thầy thuốc chẳng nói là người này sẽ chết, mà nói với người chăm sóc bệnh: “Tôi nay có việc vội, ngày mai sẽ lại đến. Người bệnh ấy cần gì thì cứ theo ý chớ ngăn cản”. Rồi ông liền quay về nhà. Sáng hôm sau người nhà bệnh nhân đến, ông lại nói với người đó: “Việc của ta chưa xong, lại chưa hòa thuốc”. Người trí phải biết, như vậy là người bệnh nhất định chết, chẳng gì nghi ngờ. Tâu đại vương! Đức Thế Tôn cũng vậy, đối với bọn Nhất-xiển-đề giỏi biết căn tánh của chúng mà vì chúng nói pháp. Vì sao? Vì nếu chẳng vì chúng nói thì tất cả phàm phu sẽ nói, Như Lai không đại từ bi. Người có từ bi thì gọi là Nhất thiết trí. Nếu không từ bi thì sao nói rằng người Nhất thiết trí. Vậy nên Đức Như Lai vì Nhất-xiển-đề mà diễn nói pháp. Tâu đại vương! Đức Như Lai Thế Tôn thấy những người bệnh thường ban cho pháp dược mà người bệnh chẳng uống thì chẳng phải lỗi của Đức Như Lai. Tâu đại vương! Bọn Nhất-xiển-đề phân biệt có hai hạng, một là được thiện căn hiện tại, hai là được

thiện căn đời sau. Đức Như Lai biết rõ bọn Nhất-xiển-đề, người có thể ở hiện tại được thiện căn thì vì họ nói pháp, người ở đời sau được thì cũng vì họ nói pháp, hôm nay tuy không có ích nhưng tạo tác nhân duyên đời sau. Vậy nên Đức Như Lai vì Nhất-xiển-đề diễn nói pháp chính yếu. Nhất-xiển-đề lại có hai thứ, một là lợi căn, hai là trung căn. Người lợi căn ở đời hiện tại có thể được thiện căn. Người trung căn thì sẽ được ở đời sau. Chư Phật Thế Tôn chẳng nói pháp rỗng không. Tâu đại vương! Ví như người sạch sẽ bị rơi xuống hố xí, có thiện tri thức thấy thương xót mà nắm tóc kéo ra khỏi. Chư Phật Thế Tôn cũng như vậy, thấy các chúng sinh rơi vào ba đường ác, dùng phương tiện cứu tế, khiến cho họ ra khỏi. Vậy nên Đức Như Lai vì Nhất-xiển-đề mà diễn nói pháp.

Nhà vua nói với Kỳ-bà:

–Nếu Đức Như Lai quả đúng như vậy thì ta phải chọn lựa ngày lành sao tốt, rồi sau đó mới đi đến.

Ông Kỳ-bà tâu vua:

–Tâu đại vương! Trong pháp của Đức Như Lai không có việc chọn lựa ngày lành, sao tốt. Tâu đại vương! Như người bệnh nặng còn chẳng xem ngày, thời tiết cát hung mà chỉ cầu thầy thuốc giỏi. Nhà vua hôm nay bệnh nặng cầu vị thầy thuốc giỏi Phật, chẳng nên chọn lựa giờ lành, ngày tốt. Tâu đại vương! Như lửa chiêm-đàn và lửa y lan, cả hai đều là tướng thiêu đốt không có khác. Ngày cát, ngày hung cũng như vậy, nếu đi đến chỗ Đức Phật đều được diệt tội. Xin đại vương ngay ngày hôm nay mau đi đến đó.

Bấy giờ, nhà vua liền ra lệnh cho một bề tôi tên là Cát Tường:

–Này đại thần! Ông phải biết, ta nay muốn đi đến chỗ Đức Phật Thế Tôn. Ông hãy mau chóng chuẩn bị phẩm vật cúng dường cần thiết.

Vị đại thần tâu:

–Tâu đại vương! Hay thay! Hay thay! Phẩm vật cúng dường cần thiết tất cả đều có.

Vua A-xà-thế cùng phu nhân cho trang bị một vạn hai ngàn chiếc xe với năm vạn con voi lớn mạnh mẽ. Trên mỗi một con voi

đều chở ba người, đem theo cờ phướn, lọng báu, hoa hương, kỹ nhạc đủ thứ phẩm vật cúng dường, không thiếu thứ gì. Kỳ sĩ theo dẫn đường có đến mười tám vạn người. Dân chúng của nước Ma-già-đà thắp từng nhà vua, số ấy đầy đủ năm mươi tám vạn người. Bấy giờ, đại chúng của thành Câu-thi-na chiếm cả mười hai do-tuần, đều nhìn thấy vua A-xà-thế cùng với quyến thuộc từ xa đi đến. Lúc này, Đức Phật bảo các đại chúng:

–Tất cả chúng sinh được nhân duyên gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì không gì bằng có bạn lành trước tiên. Vì sao? Vì vua A-xà-thế nếu chẳng thuận theo lời nói của ông Kỳ-bà thì ngày mừng bảy tháng đến nhất định mạng chung, đọa vào địa ngục A-tỳ. Vậy nên nhân duyên gần không gì bằng bạn lành.

Vua A-xà-thế trên đường đi nghe chuyện vua Xá-bà-đề Tỳ-lưu-ly đi thuyền vào biển gặp lửa mà chết, Tỳ-kheo Cù-già-ly còn sống mà thân lún vào đất, đến địa ngục A-tỳ, Tu-na-sát-na làm đủ thứ ác mà đi đến chỗ Đức Phật thì mọi tội được diệt v.v... Nghe những lời nói này xong, nhà vua nói với Ông Kỳ-bà:

–Ta nay tuy nghe hai lời nói như vậy nhưng còn chưa thẩm định được. Nay Kỳ-bà! Ông đến đây. Ta muốn cùng ông đồng đi một con voi. Giả sử ta phải vào địa ngục A-tỳ thì nhờ ông nắm lấy đuôi để cho ta rơi. Vì sao? Vì ta trước đã từng nghe, người đắc đạo chẳng vào địa ngục.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các đại chúng:

–Vua A-xà-thế còn có lòng nghi ngờ. Ta nay sẽ vì ông ấy tạo tâm quyết định.

Bấy giờ, trong chúng hội có một vị Bồ-tát tên là Trì Nhất Thiết, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như trước đây Phật nói, tất cả các pháp đều không định tướng, như là sắc không định tướng cho đến Niết-bàn cũng không định tướng, thì vì sao hôm nay Như Lai nói rằng, vì vua A-xà-thế tạo tâm quyết định?

Đức Phật dạy:

–Hay thay! Hay thay! Nay thiện nam! Ta nay nhất định vì vua

A-xà-thế tạo tâm quyết định. Vì sao? Vì tâm nghi ngờ của vua có thể phá hoại được thì phải biết là các pháp không có định tướng. Vậy nên Ta vì vua A-xà-thế tạo tâm quyết định. Ông phải biết, tâm này là không quyết định. Nay thiện nam! Nếu tâm của vua đó là quyết định thì tội nghịch của vua làm sao có thể hoại. Do không định tướng nên tội ấy có thể hoại. Vậy nên Ta vì vua A-xà-thế tạo tâm quyết định.

Bấy giờ, vị đại vương đã đến rừng Ta-la song thọ, tới chỗ Đức Phật, chiêm ngưỡng Đức Như Lai với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp giống như núi vàng ròng vi diệu. Lúc này, Đức Thế Tôn phát ra tám thứ tiếng, bảo:

–Này đại vương!

A-xà-thế quay nhìn bên trái, bên phải và nghĩ: “Trong đại chúng này ai là đại vương? Ta đã phạm tội nghịch, lại không có phước đức, Đức Như Lai chẳng nên xưng ta là đại vương”. Bấy giờ Đức Như Lai lại liền kêu lên:

–Này đại vương A-xà-thế!

Nhà vua nghe rồi lòng rất hoan hỷ, liền nghĩ như vậy: “Đức Như Lai hôm nay hạ cố dùng lời ái ngữ. Ta biết quả thật Đức Như Lai đối với các chúng sinh đại bi thương xót bình đẳng không sai biệt”. Vua liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Lòng nghi ngờ của con hôm nay vĩnh viễn không còn nữa. Con nhất định biết Như Lai chân thật là đáng Vô thượng Đại sư của chúng sinh.

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp nói với Bồ-tát Trì Nhất Thiết:

–Đức Như Lai đã vì vua A-xà-thế tạo tâm quyết định.

Vua A-xà-thế liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Giả sử hôm nay con được cùng với Phạm vương, Thích-đề-hoàn-nhân ngồi đứng, ăn uống còn chẳng hân hoan bằng được gặp Như Lai với một lời đoái tưởng đến con, con rất lấy làm vui mừng.

Bấy giờ, vua A-xà-thế liền đem cờ phướn, lọng báu, hương hoa, kỹ nhạc đã mang theo để cúng dường, trước làm lễ dưới chân

Phật, đi quanh bên phải ba vòng. Lễ kính xong rồi, lui về ngồi một bên.

Lúc này, Đức Phật bảo vua A-xà-thế:

–Này đại vương! Hôm nay Ta sẽ vì ông nói pháp chính yếu. Ông phải một lòng lắng nghe! Lắng nghe! Người phàm phu thường phải thấu giữ tâm quán thân có hai mươi việc: Một là trong thân này của ta rỗng không, không có vô lậu. Hai là không có các căn lành. Ba là sinh tử này của ta chưa được điều thuận. Bốn là rơi rớt xuống hầm sâu, không chỗ nào chẳng sợ. Năm là dùng phương tiện gì để được thấy Phật tánh. Sáu là làm sao tu định để được thấy Phật tánh. Bảy là sinh tử luôn khổ, không có thường, lạc, ngã, tịnh. Tám là về tám nạn khó được xa lìa. Chín là thường bị sự truy đuổi của oan gia. Mười là không có một pháp nào có thể ngăn chặn các hữu. Mười một là đối với ba đường ác chưa được giải thoát. Mười hai là đầy đủ chủng loại những tà kiến ác. Mười ba là cũng chưa tạo lập bến bờ vượt qua khỏi ngũ nghịch. Mười bốn là sinh tử vô cùng mà chưa đến được bến bờ. Mười lăm là chẳng tạo tác các nghiệp thì chẳng bị quả báo. Mười sáu là không có việc ta làm mà người khác thọ quả. Mười bảy là chẳng tạo nhân duyên vui thì nhất định không có kết quả vui. Mười tám là nếu có tạo nghiệp thì quả nhất định chẳng mất. Mười chín là do vô minh mà sinh thì cũng do vô minh mà chết. Hai mươi là quá khứ, hiện tại, vị lai thường phóng dật.

Này thiện nam! Người phàm phu phải đối với thân này thường phát khởi hai mươi thứ quan sát như vậy. Khởi quan sát này rồi thì chẳng ưa sinh tử, mà chẳng ưa sinh tử thì được chỉ quán. Bấy giờ, theo thứ lớp quan sát tướng tâm sinh, tướng trụ, tướng diệt. Theo thứ lớp quan sát tướng tâm sinh, trụ, diệt và định, tuệ, tấn, giới cũng như vậy. Quan sát sinh, trụ, diệt rồi, biết tướng tâm cho đến tướng giới thì nhất định chẳng làm ác, không có nỗi sợ chết, nỗi sợ ba đường ác. Nếu hành giả chẳng thấu giữ tâm quan sát hai mươi việc như vậy thì lòng buông lung, không việc ác nào chẳng làm.

Vua A-xà-thế thưa:

–Như con hiểu được ý nghĩa câu nói của Phật là con từ xưa đến

giờ chưa từng quan sát hai mươi việc này nên đã tạo nên mọi nghiệp ác. Đã tạo mọi nghiệp ác nên con có nỗi sợ chết, nỗi sợ ba đường ác. Bạch Thế Tôn! Tự con đã rước lấy tai ương, tạo tác tội ác nặng nề ấy, phụ vương không có tội mà con ngỗ ngược bức hại. Hai mươi việc quán này mà giả sử quán hay chẳng quán thì nhất định cũng phải đọa vào địa ngục A-tỳ.

Đức Phật bảo:

–Này đại vương! Tánh tướng của tất cả các pháp vô thường, không có quyết định thì sao nhà vua nói rằng, nhất định phải đọa vào địa ngục A-tỳ?

Vua A-xà-thế bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp không định tướng thì tội giết cha của con cũng nên chẳng định. Nếu tội giết định thì tất cả các pháp chẳng phải bất định.

Đức Phật dạy:

–Này đại vương! Hay thay! Hay thay! Chư Phật Thế Tôn nói rằng, tất cả các pháp đều không định tướng, nhà vua lại có thể biết giết cũng chẳng định. Vậy nên biết giết không định tướng. Này đại vương! Như lời ông nói, vua cha không tội mà ngỗ ngược bức hại, thì ai là cha? Chỉ đối với năm ấm giả danh chúng sinh mà vọng sinh ra tư tưởng cha. Ở trong mười hai nhập, mười tám giới thì cái gì là cha? Nếu sắc là cha thì bốn ấm còn lại lẽ ra chẳng phải. Nếu bốn ấm còn lại là cha thì sắc lẽ ra cũng chẳng phải. Nếu sắc và chẳng phải sắc hợp lại là cha thì không có điều này. Vì sao? Vì sắc cùng chẳng phải sắc, tánh chúng không hợp. Này đại vương! Chúng sinh phạm phũ đối với sắc ấm này vọng sinh ra tư tưởng cha. Như vậy thì sắc ấm cũng chẳng thể hại. Vì sao? Vì sắc có mười thứ mà trong mười thứ này chỉ có một thứ sắc là có thể thấy, có thể nắm, có thể quán, có thể đo lường, có thể điều khiển, có thể trói buộc. Tuy có thể thấy, có thể trói buộc nhưng tánh của sắc ấy chẳng trụ. Do tánh chẳng trụ nên chẳng thể được thấy, chẳng thể nắm bắt, chẳng thể cân lường, chẳng thể điều khiển, trói buộc. Sắc tướng như vậy thì làm sao có thể giết? Nếu sắc là cha có thể giết có thể hại mà bị tội báo thì chín

thứ còn lại chẳng phải. Nếu chín thứ còn lại chẳng phải thì đáng lẽ không có tội. Nay đại vương! Sắc có ba thứ là sắc quá khứ, hiện tại và vị lai. Sắc quá khứ và hiện tại thì chẳng thể hại. Vì sao? Vì quá khứ qua đi, còn hiện tại thì từng niệm từng niệm diệt mất, ngăn chặn vị lai nên gọi đó là giết. Như vậy một sắc, hoặc có thể giết, hoặc chẳng thể giết. Có giết hay chẳng giết thì sắc cũng là bất định. Nếu sắc bất định thì giết cũng bất định, mà giết bất định nên báo cũng bất định thì sao nói rằng, nhất định vào địa ngục? Nay đại vương! Tội nghiệp của tất cả chúng sinh đã tạo thường có hai thứ, một là khinh, hai là trọng. Nếu tâm với miệng làm thì gọi là khinh. Nếu thân, miệng, tâm cùng làm thì gọi là trọng. Nay đại vương! Tâm nghĩ, miệng nói mà thân chẳng làm thì bị quả báo nhẹ. Nay đại vương! Ngày xưa miệng đại vương chẳng ra lệnh giết mà chỉ nói là hình phạt là đủ. Nay đại vương! Nếu đại vương ra lệnh cho thị thần lập đài chém đầu vua và khi đại vương ngồi xem mới chém mà còn chẳng bị tội, huống gì là vua chẳng ra lệnh thì sao gọi là tội? Nhà vua nếu bị tội thì chư Phật Thế Tôn đáng lẽ cũng bị tội. Vì sao? Vì cha đại vương, vị tiên vương Tần-bà-ta-la đã từng ở chỗ chư Phật gieo trồng các căn lành nên ngày hôm nay được ở ngôi vua. Nếu chư Phật chẳng thọ sự cúng dường của ông ấy thì ông ấy chẳng được làm vua. Nếu ông ấy chẳng làm vua thì đại vương chẳng vì muốn được nước nên sinh lòng giết hại. Vậy nếu đại vương giết cha mà có tội thì chúng tôi, chư Phật, đáng lẽ cũng có tội. Nếu chư Phật Thế Tôn không có tội thì sao một mình đại vương có tội được? Nay đại vương! Vua Tần-bà-ta-la thuở trước có tâm ác, du hành ở trong núi Tỳ-phú-la săn nai. Ông đi cùng khắp vùng hoang vắng đều không được gì mà chỉ thấy một vị Tiên nhân đầy đủ năm thần thông. Thấy rồi, ông liền sinh lòng ác sân giận nghĩ: “Ta nay đi săn, sở dĩ chẳng được gì chính là do người này, phải xua đuổi hẳn đi khỏi”. Ông liền ra lệnh cho tả hữu giết người đó. Vị tiên ấy lâm chung sinh tâm ác sân giận, mất hết thần thông mà thề: “Ta thật vô tội, người dùng tâm, miệng ngang nhiên giết chết ta. Vào đời vị lai, ta cũng sẽ trở lại dùng tâm, miệng mà hại người như vậy”. Vua Tần-bà-ta-la nghe rồi liền sinh lòng hối hận, cúng dường tử thi. Vua Tần-bà-ta-la như vậy còn được khinh

tội, chẳng bị đọa vào địa ngục, huống gì là đại vương chẳng vậy mà phải đọa vào địa ngục, thọ quả báo sao? Đức tiên vương đã tự tạo ra, rồi trở lại tự nhận lấy thì làm sao khiến cho đại vương bị tội giết được? Như lời đại vương đã nói, phụ vương không tội thì sao gọi rằng không? Nay đại vương! Phàm người có tội thì có tội báo, người không nghiệp ác thì không tội báo. Cha của đại vương, nếu không tội thì sao có quả báo? Vua Tần-bà-ta-la ở trong hiện thế cũng được quả thiện và cả quả ác. Vậy nên tiên vương cũng lại bất định, mà do bất định nên giết cũng bất định. Giết bất định thì làm sao mà nói rằng nhất định vào địa ngục.

Này đại vương! Sự cuồng hoặc của chúng sinh phàm có bốn thứ, một là tham cuồng, hai là đờc cuồng, ba là chú cuồng, bốn là bản nghiệp duyên cuồng. Nay đại vương! Trong đệ tử của Ta có bốn thứ cuồng này, tuy họ làm nhiều điều ác nhưng nhất định chẳng ghi nhận là người này phạm giới. Việc làm của người đó chẳng đến ba đường ác. Nếu họ trở lại bình thường thì cũng chẳng nói rằng phạm. Nhà vua vốn tham đất nước, nghịch hại phụ vương, do tâm tham cuồng làm thì làm sao bị tội. Nay đại vương! Như người say rượu, nghịch hại cha hấn, khi tỉnh dậy rồi thì lòng sinh hối hận. Ông phải biết nghiệp này cũng chẳng bị quả báo. Nhà vua hôm nay say tham, chẳng phải bản tâm làm, mà nếu chẳng phải bản tâm thì sao gọi là bị tội. Nay đại vương! Ví như vị huyễn sư ở ngã tư đường, huyễn hóa làm ra đủ trai, gái, voi, ngựa, chuỗi ngọc, quần áo. Người ngu cho đó là thật. Người có trí biết đó chẳng phải thật có. Giết cũng như vậy, hạng phạm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết việc ấy chẳng phải chân thật. Nay đại vương! Ví như tiếng vang trong núi, người ngu si cho là tiếng thật, kẻ có trí biết tiếng ấy chẳng phải chân thật. Giết cũng như vậy, hạng phạm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết việc ấy chẳng phải chân thật. Nay đại vương! Như người có kẻ oán giả trá đến cận kề, người ngu si cho là thật thân, kẻ trí thông đạt mới biết là dối trá. Giết cũng như vậy, hạng phạm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết việc ấy chẳng phải chân thật. Nay đại vương! Như người cầm gương soi, tự thấy dáng mặt của mình, người ngu si cho là mặt chân thật, kẻ trí rõ thông biết mặt ấy chẳng phải chân

thật. Giết cũng như vậy, hạng phạm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết việc ấy chẳng phải chân thật. Này đại vương! Như bóng nước khi trời nắng nóng, người ngu si cho đó là nước, kẻ trí thông đạt biết đó chẳng phải là nước. Giết cũng như vậy, hạng phạm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết việc ấy chẳng phải chân thật. Này đại vương! Như thành của Càn-thát-bà, người ngu si cho là chân thật, kẻ trí rõ biết thành ấy chẳng phải là chân thật. Giết cũng như vậy, hạng phạm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết việc ấy chẳng phải chân thật. Này đại vương! Như người trong mơ hưởng thụ niềm vui năm dục, người ngu si cho đó là thật, kẻ trí rõ biết việc ấy chẳng phải là chân thật. Giết cũng như vậy, hạng phạm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết việc ấy chẳng phải chân thật. Này đại vương! Cách giết, hành động giết, người giết, quả báo giết và cả giải thoát. Ta đều biết rõ chúng nhưng không có tội thì sao nhà vua biết giết mà có tội. Này đại vương! Ví như có người giỏi biết về rượu nhưng người ấy chẳng uống thì cũng chẳng say, tuy lại biết lửa nhưng cũng chẳng đốt cháy. Nhà vua cũng như vậy, tuy biết giết nhưng sao gọi rằng có tội? Này đại vương! Có các chúng sinh vào lúc mặt trời mọc làm đủ thứ tội, vào lúc mặt trăng mọc lại đi trộm cướp; mặt trời, mặt trăng chẳng mọc thì chẳng làm nên tội. Tuy nhân mặt trời, mặt trăng khiến cho họ làm nên tội nhưng mặt trời, mặt trăng này thật chẳng đắc tội. Giết cũng như vậy, tuy lại nhân nơi vua, nhưng nhà vua thật không có tội. Này đại vương! Như trong cung vua thường lệnh bảo làm thịt dê, tâm ban đầu không sợ thì sao riêng đối với vua cha sinh ra lòng sợ. Tuy người và súc sinh sự tôn ty có khác biệt nhưng ham sống, sợ chết cả hai đều không khác thì vì sao đối với dê tâm xem nhẹ không sợ, còn đối với vua cha sinh ưu khổ nặng nề? Này đại vương! Người thế gian làm tội tở cho ái nên chẳng được tự tại. Vì ái sai khiến mà làm việc giết hại, giả sử có quả báo thì đó chính là tội của ái. Nhà vua chẳng tự tại thì phải tội gì? Này đại vương! Ví như Niết-bàn chẳng phải có, chẳng phải không mà cũng là có. Giết cũng như vậy, tuy chẳng phải có, chẳng phải không mà cũng là có. Người hổ thẹn thì chẳng phải có, người không hổ thẹn thì chẳng phải không. Người thọ quả báo thì gọi đó là có. Người thấy rõ không

thì chẳng phải có, người thấy có thì chẳng phải rỗng không. Có người thấy có thì cũng gọi là có. Vì sao? Vì có người thấy có thì bị quả báo, người thấy không có thì không quả báo. Người thấy thường thì chẳng phải không, người thấy vô thường thì chẳng phải có. Người thường thấy thường thì chẳng gọi là không. Vì sao? Vì người thường thấy thường có quả báo của nghiệp ác. Vậy nên người thường thấy thường thì chẳng được là không. Do nghĩa này nên tuy chẳng phải có, chẳng phải không mà cũng là có. Nay đại vương! Hễ là chúng sinh thì còn hơi thở ra vào, đoạn dứt hơi thở ra vào nên gọi là giết. Chư Phật Thế Tôn theo thế tục cũng nói là giết. Nay đại vương! Sắc là vô thường, nhân duyên của sắc cũng là vô thường. Từ nhân duyên vô thường sinh ra sắc thì sao gọi là thường? Cho đến thức là vô thường, nhân duyên của thức cũng là vô thường. Từ nhân duyên vô thường sinh ra thức thì sao gọi là thường? Do vô thường nên khổ, do khổ nên không, do không nên vô ngã. Nếu là vô thường, khổ, không, vô ngã thì là giết cái gì? Giết vô thường thì được Niết-bàn thường, giết khổ được lạc, giết không được thật, giết vô ngã được chân ngã. Nay đại vương! Nếu ông giết vô thường, khổ, không, vô ngã thì cũng như ta. Ta cũng giết vô thường, khổ, không, vô ngã mà chẳng vào địa ngục thì sao ông lại vào?

Bấy giờ, vua A-xà-thế theo đúng như lời Đức Phật nói mà quan sát sắc cho đến quan sát thức. Thực hiện sự quan sát này rồi, ông liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay con mới biết sắc là vô thường cho đến thức là vô thường. Con trước nếu có thể biết như vậy thì đã chẳng làm nên tội. Thưa Thế Tôn! Con trước từng nghe chư Phật Thế Tôn thường vì chúng sinh mà làm cha mẹ. Tuy nghe lời nói đó nhưng còn chưa thấm định, hôm nay thì nhất định biết. Thưa Thế Tôn! Con cũng từng nghe núi chúa Tu-di là do bốn thứ báu tạo thành, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Nếu có các con chim đậu vào thì đồng màu với núi ấy. Tuy nghe lời nói này, nhưng con cũng chẳng thấm định. Hôm nay, con đi đến núi Tu-di Phật thì cùng đồng màu, mà cùng đồng màu thì biết các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã. Bạch Thế Tôn! Con thấy ở thế gian, từ hạt y lan sinh ra cây y lan, chẳng

thấy hạt y lan sinh ra cây chiên-đàn. Hôm nay con mới thấy từ hạt y lan sinh ra cây chiên-đàn. Hạt y lan là thân con đó. Cây chiên-đàn tức là lòng tin vô căn của con. Vô căn là con ban đầu chẳng biết cung kính Như Lai, chẳng tin Pháp, Tăng, nên gọi là vô căn. Thưa Thế Tôn! Con nếu chẳng gặp được Như Lai Thế Tôn thì phải ở tại đại địa ngục trong vô lượng vô số kiếp chịu vô lượng khổ. Con hôm nay may mắn được gặp Phật. Do công đức được gặp Phật này mà phá hoại tất cả tâm ác phiền não của chúng sinh.

Đức Phật dạy:

–Này đại vương! Hay thay! Hay thay! Ta nay biết ông nhất định có thể phá hoại tâm ác của chúng sinh.

–Bạch Thế Tôn! Nếu con thật có thể phá hoại các tâm ác của chúng sinh thì khiến cho con luôn ở tại địa ngục A-tỳ, trong vô lượng kiếp, vì các chúng sinh chịu khổ não lớn mà chẳng lấy làm khổ.

Bấy giờ, vô lượng dân chúng của nước Ma-già-đà đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do vô lượng dân chúng phát đại tâm như vậy v.v... nên trọng tội của vua A-xà-thế liền được nhẹ bớt. Nhà vua và phu nhân, hậu cung thể nữ đều đồng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lúc này, vua A-xà-thế nói với Kỳ-bà:

–Ta nay chưa chết đã được thân trời, bỏ đi mạng ngắn ngủi mà được mạng dài lâu, bỏ thân vô thường mà được thân thường trụ; khiến cho những chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tức là thân trời; mạng dài lâu, thân thường trụ, tức là đệ tử của tất cả chư Phật.

Nói lời này xong, ông liền dùng đủ thứ cờ phướn, lọng báu, hương hoa, chuỗi ngọc, kỹ nhạc vi diệu cúng dường Phật và dùng kệ tụng khen ngợi:

*Lời thật rất vi diệu
 Câu nghĩa đều khéo léo
 Tạng bí mật sâu xa
 Vì chúng nên hiển thị
 Lời quảng bác sẵn có
 Vì chúng lược tuyên dương*

Lời đầy đủ như vậy
Khéo trị liệu chúng sinh
Nếu có các chúng sinh
Được nghe lời này rồi
Hoặc tin hoặc chẳng tin
Biết chắc là lời Phật
Lời Phật thường êm dịu
Vì chúng mà nói lớn
Nói lớn hay dịu dàng
Đều về đệ nhất nghĩa
Nên con hôm nay nguyện
Quy y với Thế Tôn
Lời Như Lai một vị
Giống như nước biển cả
Đó gọi đệ nhất nghĩa
Không có lời vô nghĩa
Hôm nay Đức Phật nói
Vô lượng các loại pháp
Trai gái lớn nhỏ nghe
Đều đạt đệ nhất nghĩa
Không nhân cũng không quả
Không sinh cũng không diệt
Gọi là Niết-bàn lớn
Người nghe phá các kiết
Như Lai vì tất cả
Thường làm cha mẹ lành
Phải biết các chúng sinh
Đều là con Thế Tôn
Như Lai từ bi lớn
Vì chúng nên khổ hạnh
Như người bị quỷ dựa
Làm nhiều việc loạn cuồng
Con nay được gặp Phật

Có được ba nghiệp lành
 Nguyên đem công đức này
 Hồi hướng đạo vô thượng
 Phẩm vật con dâng cúng
 Phật, Pháp và chúng Tăng
 Nguyên đem công đức này
 Cầu Tam bảo thường trụ
 Con hôm nay sẽ được
 Đủ thứ công đức lành
 Nguyên đem công đức này
 Phá tan bốn loại ma
 Con gặp ác tri thức
 Tạo tác tội ba đời
 Nay sám hối trước Phật
 Nguyên sau không dám làm.
 Nguyên cho các chúng sinh
 Điều phát tâm Bồ-đề
 Thâu tâm thường nhớ nghĩ
 Tất cả Phật mười phương.
 Lại nguyện các chúng sinh
 Phá tan hẳn phiền não
 Được thấy rõ Phật tánh
 Như Bồ-tát Văn Thù.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen vua A-xà-thế:

–Hay thay! Hay thay! Nếu có người có thể phát tâm Bồ-đề thì phải biết người này làm trang nghiêm đại chúng của chư Phật. Đây đại vương! Ông thuở xưa đã ở chỗ Đức Phật Tỳ Bà Thi, đầu tiên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Từ đó về sau cho đến khi Ta ra đời, trong khoảng thời gian ấy, ông chưa từng đọa vào địa ngục, chịu khổ. Đại vương phải biết tâm Bồ-đề mới có quả báo không lường như vậy. Đây đại vương! Từ nay về sau thường phải siêng tu tâm Bồ-đề. Vì sao? Vì từ nhân duyên này sẽ tiêu diệt được vô lượng nghiệp ác.

Lúc này, vua A-xà-thế và dân chúng toàn nước Ma-già-đà
đứng dậy, đi quanh Đức Phật ba vòng, rồi từ tạ lui về cung.
Phẩm Thiên Hành, như kinh Tạp Hoa đã nói.

*
**